

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 823 /UBND-KTCN

Kiên Giang, ngày 19 tháng 6 năm 2018

V/v lập Đề án phân loại đô thị, lập  
Chương trình phát triển từng đô thị  
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Kính gửi: UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Ngày 28/4/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 988/QĐ-UBND về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn đến năm 2025; ngày 10/4/2018, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quyết định số 388/QĐ-TTg điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kiên Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Trong đó, mục tiêu, định hướng phát triển hệ thống đô thị tỉnh Kiên Giang giai đoạn đến năm 2020 gồm: Tỷ lệ đô thị hóa phần đầu đạt khoảng 32%, có 19 đô thị, tăng 05 đô thị so với hiện trạng, bao gồm 02 đô thị loại II, 01 đô thị loại III, 05 đô thị loại IV và 11 đô thị loại V.

Nhằm thực hiện các mục tiêu, định hướng nêu trên phù hợp Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Thông tư số 12/2017/TT-BXD ngày 30/11/2017 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định và quản lý chi phí liên quan đến đầu tư phát triển đô thị. Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quan tâm chỉ đạo công tác lập Đề án phân loại đô thị, Chương trình phát triển từng đô thị với các nội dung sau:

1. Về Đề án phân loại đô thị:

- Lập kế hoạch vốn, tổ chức thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí lập, thẩm định Đề án phân loại đô thị theo hướng dẫn tại Thông tư số 12/2017/TT-BXD, gồm:

+ Các thị trấn thuộc huyện (gồm 09 thị trấn hiện trạng) phải rà soát lập Đề án phân loại đô thị loại V theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13, trong tháng 6/2018.

+ Các thị trấn thuộc huyện dự kiến nâng loại là đô thị loại IV gồm: Minh Lương, Giồng Riềng, Tân Hiệp và Vĩnh Thuận; các khu dân cư dự kiến hình thành đô thị loại V gồm: Đầm Chít, Tắc Cậu, Thứ Bảy, U Minh Thượng và Thổ Chu, thời gian dự kiến hoàn thành theo lộ trình đến năm 2020 ban hành kèm Quyết định số 988/QĐ-UBND.

- Chủ trì, phối hợp Sở Xây dựng tổ chức lập, thẩm định trình phê duyệt các Đề án phân loại đô thị nêu trên theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại



Điều 11, Điều 12, Điều 13 Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13, thời gian hoàn thành 06 tháng kể từ ngày phê duyệt dự toán chi phí.

## 2. Về Chương trình phát triển đô thị:

Trên cơ sở Đề cương, dự toán Chương trình phát triển đô thị đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt của 12/14 đô thị hiện trạng; 3/5 đô thị dự kiến hình thành mới đến năm 2020, đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đơn đốc tiến độ lập, trình phê duyệt hồ sơ theo quy định của Bộ Xây dựng ban hành Thông tư số 12/2014/TT-BXD ngày 25/8/2014 về việc hướng dẫn lập, thẩm định và phê duyệt Chương trình phát triển đô thị, làm cơ sở lập hồ sơ khu vực phát triển đô thị và danh mục các dự án phát triển đô thị ưu tiên đầu tư.

Riêng các đô thị thành phố Rạch Giá, thị xã Hà Tiên tổ chức lập, phê duyệt dự toán chi phí lập, thẩm định Sơ đồ phân bố các khu vực phát triển đô thị theo quy định tại Khoản 1 Điều 27 Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BXD-BNV ngày 21/11/2013 của Bộ Xây dựng và Bộ Nội vụ hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị.

3. Trong quá trình thực hiện, phối hợp với Sở Xây dựng để được hướng dẫn hoặc kịp thời báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện.

(Đính kèm Phụ lục).

Đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện nội dung nêu trên./ 

### Nơi nhận:

- Như trên;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Sở: XD, KHĐT, TC, NV;
- LĐVP, P.KTCN, P.KTTH;
- Lưu: VT, nvthanh, "HT".



**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Mai Anh Nhịn**





| STT      | Tên đô thị                        | Lập đề án phân loại đô thị  |                                                    |                       |                                     | Chương trình phát triển đô thị        |                                |                              |                                                      |
|----------|-----------------------------------|-----------------------------|----------------------------------------------------|-----------------------|-------------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------|------------------------------|------------------------------------------------------|
|          |                                   | Quyết định công nhận đô thị |                                                    | Lộ trình đến năm 2020 |                                     | Quyết định phê duyệt đề cương dự toán |                                | Thời gian hoàn thành         |                                                      |
|          |                                   | Loại                        | Số/ngày                                            | Loại                  | Theo Nghị quyết số 1210/NQ-UBTVQH13 | Loại                                  | Theo Quyết định số 988/QĐ-UBND |                              |                                                      |
|          |                                   |                             | của UBND tỉnh                                      |                       |                                     |                                       |                                | ngày 29/9/2016               |                                                      |
| 8        | Thị trấn Tân Hiệp                 |                             | 1981/QĐ-UBND ngày 31/8/2016 của UBND tỉnh          |                       |                                     |                                       | 2019                           | 2198/QĐ-UBND ngày 29/9/2016  |                                                      |
| 9        | Thị trấn Gò Quao                  |                             | 1983/QĐ-UBND ngày 31/8/2016 của UBND tỉnh          |                       |                                     | V                                     | Không lập Đề án                | 2205/QĐ-UBND ngày 29/9/2016  |                                                      |
| 10       | Thị trấn Thứ Ba                   |                             | 1986/QĐ-UBND ngày 31/8/2016 của UBND tỉnh          |                       |                                     |                                       |                                | 2430/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 |                                                      |
| 11       | Thị trấn Thứ Mười Một             |                             | 1985/QĐ-UBND ngày 31/8/2016 của UBND tỉnh          |                       |                                     |                                       |                                | 2429/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 |                                                      |
| 12       | Thị trấn Vĩnh Thuận               |                             | 1984/QĐ-UBND ngày 31/8/2016 của UBND tỉnh          |                       |                                     | IV                                    | 2020                           | 2201/QĐ-UBND ngày 29/9/2016  |                                                      |
| 13       | Đô thị Phú Quốc                   | II                          | 1676/QĐ-TTg ngày 17/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ | II                    | Không lập lại Đề án                 | I                                     | Giai đoạn 2021- 2025           | 1091/QĐ-UBND ngày 11/5/2016  |                                                      |
| 14       | Đô thị Hòn Tre                    | V                           | 450/QĐ-UBND ngày 20/3/2007 của UBND tỉnh           | V                     |                                     | V                                     | Không lập Đề án                | 2197/QĐ-UBND ngày 29/9/2016  |                                                      |
| <b>B</b> | <b>Các đô thị hình thành mới:</b> |                             |                                                    |                       |                                     |                                       |                                |                              |                                                      |
| 15       | Thổ Chu                           |                             |                                                    |                       |                                     |                                       | 2018                           | Chưa lập, phê duyệt          |                                                      |
| 16       | Đầm Chít                          |                             |                                                    |                       |                                     | V                                     | 2018                           | 2044/QĐ-UBND ngày 29/9/2017  | 06 tháng kể từ ngày Đề cương, dự toán được phê duyệt |
| 17       | Thứ Bảy                           |                             |                                                    |                       |                                     |                                       | 2018                           | 1745/QĐ-UBND ngày 18/8/2017  |                                                      |
| 18       | U Minh Thượng                     |                             |                                                    |                       |                                     |                                       | 2019                           | 2772/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 |                                                      |
| 19       | Tắc Cậu                           |                             |                                                    |                       |                                     |                                       | 2019                           | Chưa lập, phê duyệt          |                                                      |

